TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆTNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 378/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 25- 9-2018
V/v: Tranh chấp, xin ly hôn
Giữa anh T với chị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh

-Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cư;
2. Bà Võ Thị Kim Linh.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Dương Thị Mộng Thu- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh- kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2018/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp, ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/ 2018/ QĐXXST- HNGĐ ngày 07/8/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Tổ 16, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt);

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Số 22, tổ 01, ấp Tân Hòa B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Anh Phạm Văn T đề ngày 23/4/2018 và tại phiên tòa thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T với chị Phạm Thị H yêu nhau được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2012, sau đó anh chị đến UBND xã Tân An đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 102/HT, quyển số I/2012 ngày 22/8/2012. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống có hạnh phúc đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa hai người càng ngày càng lớn, hai người sống ly thân kể từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn lại được, do đó anh T xin được ly hôn với chị Hờn.

Về con chung: Anh T với chị H chưa có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Theo anh T, anh với chị H không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Thị H được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị H vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát: Về tố tụng Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi mở phiên tòa xét xử và tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đầy đủ, đúng theo trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định; về nội dung, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra, theo đơn khởi của anh Phạm Văn T đề ngày 23/4/2018. Xin ly hôn với chị Phạm Thị H, anh T với chị H kết hôn với nhau vào năm 2012 vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

Hôn nhân giữa anh T với chị H có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Theo biên bản xác minh ngày 01/8/2018 thì chị H có hộ khẩu thường trú tại số 22, tổ 01, ấp Tân Hòa B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang chị H đi làm ăn xa không báo với địa phương. Như vậy chị H cố tình che dấu địa chỉ. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luậ tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3]. Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T với chị Phạm Thị H yêu nhau được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2012, sau đó anh chị đến UBND xã Tân An đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 102/HT, quyển số I/2012 ngày 22/8/2012. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống có hạnh phúc đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa hai người càng ngày càng lớn, hai người sống ly thân kể từ năm 2013 cho đến nay không hàn gắn và đoàn tụ được. Xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó anh T xin được ly hôn với chị H.

Chị Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến quan điểm của mình. Theo anh T trình bày phần trên thì tình cảm giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 và anh chị không còn sống chung cho đến nay. Như vậy, cho thấy tình cảm giữa anh T với chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh T xin ly hôn với chị H là hợp lý, do đó, được HĐXX chấp nhận, nên cho anh T ly hôn với chị H là phù hợp

[4]. Về con chung: Theo anh T thì anh với chị H chưa có con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản và nợ chung: Theo anh Phạm Văn T trình bày thì anh với chị H không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra để gải quyết trong bản án này. Sau này nếu chị H cho rằng giữa chị với anh T có tài sản và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị H vẫn có quyền khởi kiện anh T ra Tòa án để yêu cầu giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6]Về án phí: Anh Phạm Văn T là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004619 ngày 07/5/2018 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 89 và Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Anh T với chị H chưa có con.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu giữa hai người có tranh chấp với nhau về tài sản và nợ trong thời gian chung sống thì chị Phạm Thị H vẫn có quyền khởi kiện anh Phạm Văn T để yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật;

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số

0004619 ngày 07/5/2018 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh T có quyền kháng cáo. Riêng chị Phạm Thị H vắng mặt vẫn được quyền kháng cáo trong hạn trên kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hnah2 án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND tỉnh An Giang;
-VKSND thị xa Tân Châu;
-THA thị xã Tân Châu;
UBND xã Tân An
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Minh